

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 13-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Hoan và bà Vũ Thị Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo ĐẶNG VĂN T sinh ngày 08/02/1976; tại xã TT, huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ là Phạm Thị N sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không;

- Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bị cáo NGUYỄN VĂN Q sinh ngày 18/08/1978; tại xã Đ, huyện H, tỉnh B; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn ư sinh năm 1950 và bà Bùi Thị X sinh năm 1952; có vợ là Đỗ Thị Đ sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: không, tiền sự: không;

- Nhân thân:

+ Bản án số 04/HSST ngày 25/4/2008 Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" và phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo khai đã nộp án phí nhưng làm thất lạc biên lai; xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng không có hồ sơ lưu trữ đối với Nguyễn Văn Q.

+ Quyết định số 104/QĐXPVPHC ngày 09/4/2018 Công an huyện Đông Hưng xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, ngày 11/4/2018 đã nộp tiền phạt.

- Bị tạm giữ từ ngày 30/11/2023 đến ngày 03/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bị cáo VŨ QUỐC V sinh ngày 08/03/1986; tại xã K, huyện H, tỉnh B; nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H sinh năm 1959 và bà Phạm Thị N sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không;

- Nhân thân:

+ Bản án số 13/2010/HSST ngày 30/7/2010 Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình phạt 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/05/2010, về tội "Trộm cắp tài sản" và phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo khai đã tạm nộp án phí sau khi xét xử, xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng không có hồ sơ lưu trữ đối với Vũ Quốc Việt.

+ Bản án số 63/2012/HSST ngày 10/4/2012, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2012, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, ngày 12/9/2012 đã nộp án phí.

+ Bản án số 135/2018/HSST ngày 04/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2017, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù, ngày 14/6/2018 đã nộp án phí.

- Bị tạm giữ từ ngày 30/11/2023 đến ngày 03/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bị cáo PHAN LIÊN D sinh ngày 16/02/1971; tại xã T, huyện TT, tỉnh B; nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện TT, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Liên T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1938; có vợ là Vũ Thị N sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 30/11/2023 đến ngày 03/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Bị cáo PHAN VĂN Q1, sinh ngày 01/02/1974 tại xã T, huyện TT, tỉnh B; nơi cư trú: thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L sinh năm 1951 và bà Trần Thị C sinh năm 1951; chưa có vợ, con; tiền án: không, tiền sự: không.

- Bị tạm giữ từ ngày 30/11/2023 đến ngày 03/12/2023 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* *Người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Quang A sinh năm 1976, địa chỉ: thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D sinh năm 1971, địa chỉ: thôn K, xã T, huyện TT, tỉnh B; vắng mặt

- Ông Bùi Văn Đ sinh năm 1963, địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện H, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn P sinh năm 1976, địa chỉ: thôn K, xã T, huyện TT, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Phan Văn T sinh năm 1990, địa chỉ: thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Đình D1 sinh năm 1973, địa chỉ: thôn L, xã T, huyện H, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Đặng Văn N sinh năm 1971, địa chỉ: thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Vũ Cảnh V sinh năm 1982, địa chỉ: N, xã K, huyện H, tỉnh B; vắng mặt.
- Anh Phạm Văn Kh sinh năm 1974, địa chỉ: thôn V, xã T, huyện H, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30/11/2023, Đặng Văn T đang ở nhà tại thôn V, xã TT, huyện T, tỉnh B thì có Bùi Văn Đ, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang A đến chơi uống nước. Trách lấy 01 bộ bài chắn có sẵn ở dưới gầm bàn uống nước hỏi D, D1, A “Anh em làm tý” (ý T là rủ mọi người đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh chắn). D, D1, A đồng ý và cùng T ngồi xuống đánh bạc tại phòng khách của nhà T. Mọi người thống nhất cách chơi như sau: sử dụng một bộ bài chắn gồm 100 quân chia đều cho bốn người chơi mỗi người 19 quân, riêng người chia bài được 20 quân, số còn thừa gọi là bài lọc và đặt trên chiếc đĩa; người chia bài được đánh trước, vòng đánh từ phải qua trái; những người chơi tích bài thành phỏm bằng cách ăn bài của người vừa đánh trước đó hoặc bốc quân từ bài lọc; ván bài kết thúc khi có người “Ù”.

Cách tính điểm của từng loại “Ù” như sau: Ù xuôi được tính là 2 điểm; Ù thông là 3 điểm; Ù tôm 3 điểm; Ù hai tôm 4 điểm; Ù bạch thủ ù chỉ được tính là 10 điểm; Ù bạch thủ ù chi tôm 11 điểm; Ù bạch thủ chi lèo 11 điểm; Ù lèo được 3 điểm; Ù đôi lèo là 4 điểm; Ù bạch định 10 điểm; Ù tôm đỏ 11 điểm; Ù hình tứ chi được tính là 15 điểm; Ù bạch thủ chi thường là 10 điểm; Ù kính tứ chi 20 điểm; Ù thập thành được tính là 20 điểm, mỗi điểm tính bằng 5.000 đồng. Người Ù là người thắng, mỗi người thua phải trả cho người thắng số tiền bằng số điểm Ù nhân với 5.000 đồng.

Quá trình A, D, D1, T đánh bạc thì có Vũ Quốc V, Vũ Cảnh V1, Nguyễn Văn Q1, Phan Văn Q, Phan Văn T; Nguyễn Đình D2 đến chơi, uống nước. Khoảng 09 giờ cùng ngày, thì D, A hết tiền nên T, D, A, D1 nghỉ không chơi nữa lên ghế ngồi uống nước, còn A đi về nhà.

Đến khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, V, Q1, D1, Q rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh chắn và thống nhất cách chơi như trên nhưng mỗi điểm ù tính là 10.000 đồng. Mỗi ván, người thắng sẽ trích ra 10.000 đồng để đưa cho chủ nhà gọi là tiền hò, tiền chiếu.

Cùng lúc này, cũng tại phòng khách của nhà T thì Đ, T, D, P rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm, người ù là người thắng; mỗi ván người thắng phải đưa cho chủ nhà 5.000 đồng đến 10.000 đồng gọi là tiền chiếu.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Công an huyện Thái Thụy bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc các bị cáo sử dụng đánh chắn số tiền 2.040.000 đồng; 01 đĩa sứ màu trắng; 100 quân bài; quản lý 01 chiếc ví da của D1 bên trong có 700.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên Phan Liên D; quản lý của Q1 01 ví da bên trong có 3.220.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q1; quản lý của V 01 ví da bên trong có số tiền 800.000 đồng, 01 căn cước công dân mang tên Vũ Quốc V1. Thu giữ tại chiếu bạc đánh phỏm gồm 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc 4.380.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSTT ngày 21/02/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Quốc V1, Phan Liên D1 và Phan Văn Q về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hành vi bị truy tố, bị cáo Đặng Văn T còn đánh bạc với Phan Liên D1, Nguyễn Quang A, Nguyễn Văn D dưới hình thức đánh chắn với số tiền đánh bạc là 1.820.000 đồng; Bùi Văn Đông, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Đình Diện, Phan Văn đánh bạc với nhau dưới hình thức đánh phỏm với số tiền là 4.380.000 đồng; các đối tượng không có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, gá bạc nên Công an huyện Thái Thụy đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trách, Dẫn, Ảnh, Duẩn, Đông, Phong, Diện, Tấn về hành vi đánh bạc và tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V1, Phan Liên D1 và Phan Văn Q không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đặng Văn T về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V1, Phan Liên D và Phan Văn Q phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

+ Đối với bị cáo Đặng Văn T, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 65; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và phạt bổ sung từ 10 đến 12 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q1, đề nghị áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02

năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Vũ Quốc V1, đề nghị áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn từ tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi 03 ngày tạm giữ; phạt bổ sung từ 05 triệu đồng đến 07 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Phan Liên D, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm i và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Phan Văn Q, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm i và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 đĩa hình tròn màu trắng; tịch thu sung quỹ nhà nước đối với số tiền đánh bạc 6.760.000 đồng; trả lại cho bị cáo Q 101 ví da màu nâu, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q1; trả lại cho bị cáo V1 01 ví da màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Vũ Quốc V1; trả lại cho bị cáo D 01 ví da màu đen, 01 căn cước công dân mang tên Phan Liên D.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương để có điều kiện lao động, chăm lo cho gia đình. Riêng bị cáo Trách có ý kiến: do bị cáo bị mắc bệnh ung thư, sức khỏe yếu, hiện đang phải tiếp tục điều trị, mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; các bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đúng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 10 giờ 40 phút; sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường hồi 12 giờ 35 phút cùng ngày 30/11/2023 do Công an huyện Thái Thụy lập (Bút lục từ số 01 đến 06 và từ số 09 đến 13); Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là anh Đặng Văn N ; anh Vũ Cảnh V và anh

Phạm Văn Kh (Bút lục số 84 đến 90); ông Bùi Văn Đ; anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn Ph; anh Phan Văn T; anh Nguyễn Quang A và anh Nguyễn Đình D (Bút lục từ số 122 đến 126, 130 đến 131, 135 đến 137, 141 đến 144, 148 đến 150 và bút lục số 169 đến 171).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: Hồi 09 giờ 30 phút ngày 30/11/2023, tại nhà ở của Đặng Văn T, địa chỉ: thôn Vô Hối Đông, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Đặng Văn T đã dùng nhà ở thuộc quyền quản lý của mình cho 02 chiếu bạc trong cùng một lúc, tổng số tiền dùng đánh bạc là 11.140.000 đồng; gồm: 01 chiếu đánh chắn gồm có 4 bị cáo là Nguyễn Văn Q, Vũ Quốc V, Phan Văn Q, Phan Liên D số tiền dùng đánh bạc là 6.760.000 đồng, 01 chiếu đánh phỏm gồm có 4 đối tượng là Bùi Văn Đ, Phan Văn Tấn, Nguyễn Đình D, Nguyễn Văn Ph với số tiền dùng đánh bạc là 4.380.000 đồng.

[4] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V, Phan Văn Q, Phan Liên Duân được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự về tội “Đánh bạc” như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[5] Hành vi của bị cáo Đặng Văn T được quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự về tội “Gà bạc” như sau:

“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gà bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[6] Các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q, Vũ Quốc V, Phan Văn n, Phan Liên D đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được việc thực hiện hành vi gà bạc, đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình

thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội.

[7] Bị cáo Đặng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội gá bạc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Vũ Quốc V, Phan Liên D và Phan Văn Q là đồng phạm, cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[8] Các bị cáo Đặng Văn T, Phan Văn Q, Phan Liên D đều là người có nhân thân tốt; bị cáo Vũ Quốc V là người có nhân thân xấu, đã rất nhiều lần bị kết án.

[9] Các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V1, Phan Văn Q, Phan Liên D đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo T bị mắc bệnh ung thư, bị cáo Việt và bị cáo Q1 đều có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo D và bị cáo Q đều có bà nội được phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ngoài ra, các bị cáo D, Q còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[10] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung cần phải xử phạt các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V bằng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự và áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T và bị cáo Q được hưởng án treo vì bị cáo T và bị cáo Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ; còn đối với các bị cáo Phan Liên D, Phan Văn Q cần áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình là phù hợp, thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 đĩa hình tròn màu trắng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy và 6.760.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Các tài sản khác mà công an thu giữ gồm 01 ví da màu nâu và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q; 01 ví da màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Vũ Quốc V; 01 ví da màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Phan Liên D là tài sản hợp pháp và giấy tờ tùy thân của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

[12] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

1.2. Các bị cáo Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V, Phan Liên D và Phan Văn Q phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Đặng Văn T:

- Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 65; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

- Giao bị cáo Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q1:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

- Giao bị cáo Nguyễn Văn Q1 cho Ủy ban nhân dân xã Đông Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

2.3. Đối với bị cáo Vũ Quốc V:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321, các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Quốc V 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi 03 ngày tạm giữ; phạt bổ sung 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

2.4. Đối với bị cáo Phan Liên D:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm i và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Phan Liên D 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

2.5. Đối với bị cáo Phan Văn Q:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm i và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Phan Văn Q 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn 100 quân; 01 đĩa hình tròn màu trắng.
- Tịch thu sung quỹ nhà nước 6.760.000 đồng,
- Trả lại cho bị cáo Q 01 ví da màu nâu và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q cho bị cáo Q
- Trả lại cho bị cáo V 01 ví da màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Vũ Quốc V
- Trả lại cho bị cáo D 01 ví da màu đen và 01 căn cước công dân mang tên Phan Liên D.

(Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy)

4. Về án phí: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V, Phan Liên D và Phan Văn Q đều phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đặng Văn T, Nguyễn Văn Q1, Vũ Quốc V, Phan Liên D và Phan Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/03/2024./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

